TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2023/DS - PT
Ngày 29 tháng 11 năm 2023
"V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Mạnh và bà Lê Thị Bích Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Xuân Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 75/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2023/QĐXXPT- DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị D, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc .

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Huy Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc theo văn bản ủy quyền ngày 29/3/2023, (có mặt).

- *Bị đơn:* Ủy ban nhân dân xã T, huyện V; địa chỉ: Xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T – chức vụ: Chủ tịch UBND xã T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn H - Phó Chủ tịch UBND xã T; địa chỉ: Xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc theo văn bản ủy quyền ngày 05/5/2023, (có mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Ông Lê Mạnh H1, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

+ Ông Bùi Văn C, sinh năm 1951; địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

+ Ông Chu Thành H2, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

+ Ông Lê Văn L, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Phan Huy Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Trần Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 3 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 06 tháng 11 năm 1997, Ủy ban nhân dân (UBND) xã T có cử ông Bùi Văn C và ông Nguyễn Mạnh H3 đến nhà bà D vay tiền để giải quyết công việc của UBND xã T, theo đó bà D có cho UBND xã T vay số tiền 20.000.000 đồng gốc. Khi vay, hai bên có viết giấy Biên nhận nợ đề ngày 06 tháng 11 năm 1997, người giao tiền là bà Trần Thị D và người nhận tiền là ông Bùi Văn C và ông Lê Mạnh H1, hai bên thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng, thời gian vay là 03 tháng. Hết thời hạn vay 03 tháng theo thỏa thuận, bà D có đến UBND xã T để đòi tiền nhưng UBND xã chưa trả tiền cho bà D, sau đó bà D có đi làm ăn tại nước ngoài (cụ thể là tại Đức) nên không đến UBND xã T để làm việc được. Tuy nhiên, mỗi khi bà D có việc về nước đều đến UBND xã để đòi tiền (chỉ đòi miệng, không có văn bản giấy tờ gì) nhưng vẫn không được UBND xã T trả khoản tiền đã cho vay. Đến nay đã 26 năm kể từ khi vay tiền phía UBND xã T vẫn chưa trả tiền cho bà D nên bà D có đơn khởi kiện yêu cầu UBND xã T trả nợ cho bà số tiền đã cho vay. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà D yêu cầu UBND xã T trả cho bà D số tiền gốc là 20.000.000 đồng và lãi suất kể từ ngày 06 tháng 11 năm 1997 cho đến nay tính theo lãi suất Ngân hàng thành tổng số tiền là 1.930.000.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã T có quan điểm thể hiện nội dung: Việc UBND xã T vay 20.000.000 đồng của bà Trần Thị D vào ngày 06 tháng 11 năm 1997 như thế nào thì hiện nay UBND xã không biết. Tuy nhiên, thông qua lời khai của người làm chứng là ông Bùi Văn C, ông Lê Mạnh H1 và các ông Lê Văn L, ông Chu Thành H2 nguyên là Chủ tịch UBND xã trước hiện nay đã nghỉ hưu cho biết có vay khoản tiền 20.000.000 đồng của bà Trần Thị D vào ngày 06 tháng 11 năm 1997. Quan điểm của UBND xã T thừa nhận có nợ của bà Trần Thị D số tiền 20.000.000 đồng, tuy nhiên thời gian từ năm 1997 đến

nay UBND xã T chưa thấy bà D có ý kiến gì về khoản tiền trên, mặt khác UBND xã T đã có ý định trả tiền cho bà D từ nhiều năm về trước nhưng không biết bà D ở đâu vì bà D thường xuyên vắng mặt tại địa phương nơi cư trú đã nhiều năm nay nên UBND xã chưa trả tiền cho bà D được. Lý do là bà D không đòi tiền và địa phương không biết bà D ở đâu để trả tiền (bà D đi làm ăn, buôn bán ở nước ngoài, thường xuyên vắng mặt tại địa phương nên không thể gặp bà D để trả triền). Khoảng năm 2011 - 2012 bà D có về UBND xã T để đấu giá quyền sử dụng đất và tại thời điểm đó bà D cũng không có ý kiến gì về khoản tiền nói trên, bà D có tham gia đấu giá quyền sử dụng đất nhưng sau đó bà D bỏ thầu nên bị sung công quỹ số tiền 100.000.000 đồng tiền đặt cọc đấu giá quyền sử dụng đất. Tại thời điểm đó bà D không yêu cầu để được trừ số tiền 20.000.000 đồng đã cho U, vì vậy đến nay trong các báo cáo của HĐND xã vẫn thể hiện còn nợ khoản tiền trên. Nay bà D khởi kiện yêu cầu UBND xã T trả nợ khoản tiền gốc 20.000.000 đồng và lãi phát sinh thành tổng số là 1.930.000.000 đồng từ năm 1997 cho đến nay. Quan điểm UBND xã T đồng ý trả khoản nợ gốc 20.000.000 đồng và lãi suất 03 tháng 2,5% bằng 1.500.000 đồng theo như giấy nhận nợ, UBND xã T không đồng ý trả tiền lãi theo như yêu cầu của bà Trần Thi D1. Lý do là UBND xã chỉ biết khoản nợ gốc 20.000.000 đồng thông qua báo cáo của HĐND xã hàng năm, còn không có ai nói gì về khoản tiền lãi, khi được xem giấy nhận nợ do bà D1 nộp cho Tòa án thì UBND xã mới biết và đồng ý trả số tiền lãi của 03 tháng đúng theo như giấy nhận nợ mà đại diện UBND xã đã ký với bà D1. Do thời gian đã quá lâu đến nay đã 26 năm nên UBND xã T yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của bà D1.

Tại phiên tòa những người làm chứng đều vắng mặt, tuy nhiên qua các biên bản lấy lời khai, những người làm chứng trình bày như sau:

- *Ông Lê Mạnh H1 trình bày:* Từ năm 1996 đến tháng 5/2022 ông làm cán bộ địa chính của UBND xã T. Trong thời gian làm cán bộ địa chính UBND xã T thì ông được biết năm 1997 UBND xã T có vay của bà Trần Thị D là 20.000.000 đồng, lãi suất là 2,5%/tháng, có viết giấy vay tiền được ông C là cán bộ kế toán ngân sách xã và ông là cán bộ địa chính ký xác nhận vào phiếu thu tiền, có mặt ông Phùng Ngọc D2 là phó Chủ tịch UBND xã T làm chứng. Ông Lê Đình Q - Chủ tịch UBND xã là người đứng ra vay (hiện nay ông Q đã chết), ông là người trực tiếp nhận tiền về nộp thủ quỹ của UBND xã. Năm 1998 bà D có đến UBND xã để đòi tiền thể hiện qua giấy đề nghị thanh toán tiền vay đề ngày 24 tháng 10 năm 1998, UBND xã có nói với bà D là chờ thu tiền đấu giá đất sẽ trả cho bà D nhưng sau đó do ông Q nghỉ không làm chủ tịch nữa có bàn giao lại khoản nợ nói trên trước khi nghỉ. Sau đó từ năm 1998 cho đến năm 2009 khoản nợ trên của bà D đều được bàn giao và thông qua các kỳ họp của HĐND xã nhưng chưa có lần nào nói đến kế hoạch trả nợ cho bà D. Năm 2011 bà D có gọi điện thoại

cho ông hỏi về khoản nợ thì ông có nói với bà D về tham gia đấu giá đất để trừ tiền vay, ngày 18 tháng 9 năm 2011 bà D có nộp tiền đặt cọc để đấu giá quyền sử dụng đất, bà D có nộp số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng (có trừ 20.000.000 đồng hay không thì ông không rõ) nhưng bà D cũng không có ý kiến thắc mắc đòi gì về số tiền 20.000.000 đồng nói trên. Sau khi nộp tiền đấu giá đất đến năm 2012 thì bà D đã bỏ đấu giá nên số tiền 100.000.000 đồng của bà D đã bị sung công quỹ Nhà nước. Từ năm 2012 cho đến nay bà D không có lần nào về UBND xã để đòi tiền. Bà D cũng không ý kiến gì về số tiền 100.000.000 đồng đã bỏ thầu và số tiền 20.000.000 đồng đã cho UBND xã T vay, lý do vì sao thì ông không rõ. Việc UBND xã vay tiền của bà D là có sự đồng ý của Đảng ủy xã thông qua cuộc họp ngày 27 tháng 01 năm 1997 (có Nghị quyết kèm theo), chữ ký trong giấy biên nhận đúng là chữ ký của ông. Hiện nay ông đã nghỉ hưu không làm cán bộ địa chính của UBND xã T từ tháng 5 năm 2022 nên ông không biết gì về khoản vay đó nữa, việc trả nợ cho bà D như thế nào là do UBND xã T. Ông không liên quan đến việc vay mượn của UBND xã T.

- *Ông Bùi Văn C trình bày:* Ông làm kế toán ngân sách của UBND xã T từ năm 1989 đến năm 1998. Năm 1997 UBND xã T có vay của bà Trần Thị D là 20.000.000 đồng, lãi suất là 2,5%/tháng, khi vay có viết giấy vay tiền, ông là kế toán và ông Lê Mạnh H1 là cán bộ địa chính có ký xác nhận vào phiếu thu tiền, giấy biên nhận ghi ngày 06 tháng 11 năm 1997 mục người nhận vay tiền là chữ ký của ông. Ông Lê Đình Q - Chủ tịch UBND xã là người đứng ra vay (hiện nay ông Q đã chết), ông H1 là người trực tiếp nhận tiền về nộp cho thủ quỹ xã T. Năm 1998 ông bàn giao lại để nghỉ công tác thì UBND xã T chưa trả nợ cho bà D. Từ đó đến nay UBND xã T đã trả tiền cho bà D hay chưa thì ông không rõ.

- *Ông Nguyễn Hữu L1 trình bày:* Ông làm Chủ tịch UBND xã từ tháng 11 năm 1998 cho đến tháng 5 năm 2004, ông được biết UBND xã T có vay của bà D số tiền 20.000.000 đồng gốc, còn lãi suất như thế nào thì ông không biết, khoản vay trên là từ trước khi ông làm Chủ tịch UBND xã, còn vay vào mục đích gì thì ông không biết, hàng năm khoản nợ này có được bàn giao thông qua báo cáo của HĐND xã. Trong suốt thời gian ông làm Chủ tịch UBND xã chưa thấy bà D đến đòi tiền, thực tế thì UBND xã cũng đã có kế hoạch trả nợ cho các cá nhân trong đó có bà D nhưng bà D không đến UBND xã để đòi tiền và bà D không có mặt tại nơi cư trú nên UBND xã chưa trả tiền cho bà D. Khi ông chuyển công tác thì ông có bàn giao lại khoản vay trên thông qua báo cáo của HĐND xã nhưng cũng chỉ thể hiện số nợ gốc 20.000.000 đồng, không thể hiện tiền lãi.

- *Ông Chu Thành H2 trình bày:* Ông làm chủ tịch UBND xã từ năm 2010 cho đến tháng 5 năm 2016, ông được biết UBND xã T có vay của bà D số tiền

20.000.000 đồng gốc, ông không được biết gì về việc tính lãi đối với khoản vay trên, tại thời điểm vay tiền ông chưa làm Chủ tịch UBND xã nên không biết vay tiền vào mục đích gì. Khoảng năm 2011 - 2012 bà D có về UBND xã T để đấu giá quyền sử dụng đất, bà D có nộp 100.000.000 đồng tiền cọc đấu giá quyền sử dụng đất, số tiền đặt cọc đó không được trừ vào số tiền 20.000.000 đồng đã cho UBND xã vay. Tại thời điểm đó bà D không đề cập gì đến số tiền đã cho UBND xã vay năm 1997 nên UBND xã chưa trả tiền cho bà D, thực tế bà D đã đấu giá nhưng sau đó không thực hiện nghĩa vụ đối với thửa đất đấu giá nên số tiền 100.000.000 đồng đã bị sung vào Ngân sách Nhà nước. Tại thời điểm đó nếu bà D có yêu cầu thì UBND xã sẽ có kế hoạch trả nợ nhưng do bà D không có yêu cầu đề nghị gì, bản thân bà D không phải là người xã Tân Tiến nên UBND xã T không biết trả tiền cho ai và trả như thế nào.

Tài liệu xác minh tại xã T thể hiện có vay 20.000.000 đồng của bà Trần Thị D từ năm 1997 do UBND xã T vay, còn sử dụng vào việc gì thì địa phương không rõ, tuy nhiên qua các thời kỳ, số nợ đó vẫn được thể hiện thông qua báo cáo của HĐND xã hàng năm. Từ năm 1997 cho đến nay tại UBND xã T chưa thấy bà D có ý kiến đòi nợ, mặt khác UBND xã T đã có ý định trả tiền cho bà D từ nhiều năm về trước vì không biết bà D ở đâu do bà D không có mặt tại đại phương nơi cư trú đã nhiều năm nay nên UBND xã chưa trả tiền cho bà D được. Khoảng năm 2011 - 2012 bà D có đến UBND xã T để đấu giá quyền sử dụng đất nhưng bà D cũng không có ý kiến gì về khoản tiền nói trên, bà D có tham gia đấu giá quyền sử dụng đất, sau đó vì bà D bỏ thầu nên đã bị thu số tiền 100.000.000 đồng đặt cọc đấu giá quyền sử dụng đất. Nay quan điểm UBND xã T đồng ý trả nợ gốc 20.000.000 đồng và lãi suất 03 tháng 2,5% bằng 1.500.000 đồng theo như giấy nhận nợ vì lý do UBND xã chỉ biết khoản nợ gốc 20.000.000 đồng thông qua báo cáo HĐND xã hàng năm, còn không có ai nói gì về khoản tiền lãi.

Xác minh tại xã N: Bà Trần Thị D có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc nhưng đã đi lao động tại Cộng hòa liên bang Đ1 từ khoảng 10 năm nay, hiện nay bà D vẫn sinh sống và làm việc ở Đức, địa chỉ cụ thể của bà D như thế nào thì địa phương không rõ. Thi thoảng bà D vẫn về quê thăm anh em, họ hàng. Bà D không có chồng con tại xã N. Khoảng tháng 3 năm 2023 bà D về xã N có công việc khoảng hơn 01 tháng sau đó bà D lại đi sang Đức luôn, do vậy hiện nay bà D không có mặt tại địa phương nơi cư trú.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2023/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường đã quyết định:

Buộc Ủy ban nhân dân xã T, huyện V phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Trần Thị D tổng số tiền là 21.500.000 đồng, (trong đó số nợ gốc là 20.000.000 đồng số tiền lãi là 1.500.000 đồng).

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23 tháng 8 năm 2023 ông Phan Huy Đ là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị D có đơn kháng cáo nội dung không đồng ý với số tiền trả lãi của Tòa án cấp sơ thẩm đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xem xét lại số tiền tính lãi. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Phan Huy Đ vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị UBND xã T trả cho bà Trần Thị D tổng số tiền cả gốc và lãi là 1.930.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 29/2023/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Phan Huy Đ là người đại diện theo ủy quyền cho bà Trần Thị D trong thời hạn luật định, đơn hợp lệ được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét, giải quyết.

[2]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các đương sự đến tham dự phiên tòa và các đương sự đã nhận được văn bản của Tòa án hợp lệ. Tuy nhiên đương sự vắng mặt tại phiên tòa đã ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt là phù hợp quy định của pháp luật.

[3]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị D khởi kiện UBND xã T, huyện V phải trả tiền nợ theo giấy vay tiền và tiền lãi phát sinh từ số nợ gốc thời điểm vay theo lãi suất ngân hàng đến khi xét xử; phía bị đơn là UBND xã T có địa chỉ tại huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ trả tiền của Hợp đồng vay tài sản và Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường , thụ lý giải quyết sơ thẩm. Sau khi xét xử sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của Trần Thị D kháng cáo và Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng về thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[4]. Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, do vậy việc bà Trần Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu UBND xã T trả 20.000.000 đồng tiền gốc là không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D đề nghị tính tiền lãi kể từ ngày 06 tháng 11 năm 1997 đến nay là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đến ngày 29 tháng 3 năm 2023 bà D mới có đơn khởi kiện UBND xã T. UBND xã T đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự và Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung vụ án: Theo trình bày của nguyên đơn Trần Thị D được bị đơn (đại diện UBND xã T, huyện V) thừa nhận là UBND xã T có vay bà Trần Thị D số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 06 tháng 11 năm 1997, cả hai bên đều thừa nhận hiện nay phía UBND xã T vẫn chưa trả tiền nợ gốc, tiền lãi cho bà D. Bà D yêu cầu UBND xã T trả 20.000.000 đồng số nợ gốc và tiền lãi kể từ ngày 06 tháng 11 năm 1997 đến nay theo lãi suất ngân hàng thành tổng số tiền là 1.930.000.000 đồng; phía UBND xã T chỉ đồng ý trả 20.000.000 đồng nợ gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi phát sinh thời hạn 03 tháng theo thỏa thuận mà không chấp nhận trả tiền lãi từ khi vay tiền đến nay. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D, buộc UBND xã T, huyện V phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị D tổng số tiền gốc và lãi là 21.500.000 đồng. Do không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị D kháng cáo nội dung đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền cho bà Trần Thị D; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đã thể hiện nội dung là UBND xã T có vay bà Trần Thị D số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 06 tháng 11 năm 1997, cả hai bên đều thừa nhận hiện nay phía UBND xã T vẫn chưa trả tiền nợ gốc, tiền lãi cho bà D. Toàn bộ việc vay tiền giữa nguyên đơn là bà Trần Thị D với bị đơn là UBND xã T thể hiện tại phiếu thu số 21, quyển số 01 ngày 06 tháng 11 năm 1997 do UBND xã T phát hành, lãi suất ghi tại phiếu thu là 2,5%/tháng, số tiền vay nợ là 20.000.000 đồng có đầy đủ chữ ký của người nộp tiền, thủ quỹ, kế toán và xác nhận, đóng dấu của UBND xã T. Mặc dù phiếu thu không thể hiện thời hạn vay, thời hạn trả nợ nhưng giấy biên nhận và các đương sự đều xác nhận thời hạn vay là 03 tháng. Do vậy có căn cứ xác định thời hạn của hợp đồng vay tiền giữa UBND xã T với bà Trần Thị D 03 tháng là đúng sự thật. Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện UBND xã T hiện nay cho rằng không biết gì về khoản nợ của UBND xã với bà D nhưng qua lời khai của người

làm chứng là ông Bùi Văn C, ông Lê Mạnh H1, ông Nguyễn Hữu L1, ông Chu Thành H2 và tài liệu còn lưu giữ tại UBND xã có đủ cơ sở xác định UBND xã T có vay bà Trần Thị D số tiền 20.000.000 đồng. Nay bà Trần Thị D yêu cầu UBND xã T phải trả số nợ và đã được đại diện UBND xã T đồng ý trả 20.000.000 đồng tiền nợ theo đúng như thỏa thuận ngày 06 tháng 11 năm 1997. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định buộc UBND xã T trả nợ cho bà Trần Thị D số tiền 20.000.000 đồng đã vay là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của bà Trần Thị D về việc tính tiền lãi của số tiền cho vay kể từ ngày 06 tháng 11 năm 1997 cho đến nay thấy rằng: Hợp đồng vay tài sản giữa UBND xã T với bà Trần Thị D ngày 06 tháng 11 năm 1997 có thỏa thuận thời hạn là 03 tháng nên tính đến ngày 06 tháng 02 năm 1998 là hết thời hạn như thỏa thuận giữa các bên. Kể từ ngày hết thời hạn như thỏa thuận trong hợp đồng đến ngày 29 tháng 3 năm 2023 bà D mới có đơn khởi kiện UBND xã T yêu cầu trả số tiền lãi theo thỏa thuận là quá thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự. Quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn là UBND xã T có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên thời hiệu khởi kiện đối với khoản tiền lãi không còn. Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà Trần Thị D từ thời điểm cho vay đến nay là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy kháng cáo yêu cầu tính lãi của người đại diện theo ủy quyền cho bà Trần Thị D không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với việc UBND xã T tự nguyện thanh toán trả lãi suất của 03 tháng vay tiền, mỗi tháng 2,5% trị giá 500.000 đồng/tháng cho bà D theo giấy biện nhận là phù hợp, cần xác nhận sự tự nguyện của UBND xã T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Trần thị D3 cho rằng: Kể từ khi hết thời hạn cho vay theo thỏa thuận, đã nhiều lần bà Trần Thị d đến UBND xã T yêu cầu trả số tiền nợ và lãi suất phát sinh nhưng không cung cấp tài liệu gì chứng minh. Do vậy việc người đại diện theo ủy quyền của bà D3 cho rằng không áp dụng thời hiệu để tính lãi đối với số tiền cho vay không được chấp nhận.

Từ những phân tích như trên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thu thập khách quan, đúng pháp luật để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

Do vậy kháng cáo của bà Trần Thị D đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị D; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường là có căn cứ, được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thị D phải chịu án phí phúc thẩm. Do bà Trần Thị D thuộc đối tượng được miễn án phí nên không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị D; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2023/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào các Điều 166, Điều 351, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 184, Điều 471 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D đối với Ủy ban nhân dân xã T, huyện V.

Buộc UBND xã T, huyện V phải trả cho bà Trần Thị D tổng số số tiền 21.500.000 đồng (bao gồm 20.000.000 đồng tiền vay và 1.500.000 đồng tiền lãi)

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị D về việc tính lãi suất của số tiền cho vay 20.000.000 đồng kể từ thời điểm cho vay ngày 06 tháng 11 năm 1997 cho đến nay thành tổng số tiền là 1.930.000.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu UBND xã T chậm trả tiền cho bà Trần Thị D thì UBND xã T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ủy ban nhân dân xã T phải chịu 1.075.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị D được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Sơn